Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8440.10.10

Mã HS	8440.10.10
Mô tả hàng hóa	Máy đóng sách, kể cả máy khâu sách / - Máy: / - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 18:04:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84401010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13860
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13860
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13860
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13172
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13113
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13113
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13113
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13113
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13113
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13113
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13167
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13167

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13167
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13167
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13167
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13167
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13168
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13168
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13168
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13168
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13168
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13168
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13171
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13119
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13127
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13127
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13127
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13127
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13127
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13127
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13158
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13158
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13158
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13158
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13158
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13158
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13207
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13207

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13207
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13207
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13207
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13207
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13190
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13190
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13190
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13190
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13190
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13190
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13190
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13190
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13190
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13190
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13190
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13190
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13205
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13205
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13205
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13205
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13205
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13205
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13204
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13204
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13204
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13204

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13204
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13204
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13184
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13184
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13184
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13184
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13184
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13184
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13184
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13192
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13192
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13192
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13192
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13192
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13192
RCEP B	2022	2022	0	B!D13192
RCEP B	2023	2023	0	B!E13192
RCEP B	2024	2024	0	B!F13192
RCEP B	2025	2025	0	B!G13192
RCEP B	2026	2026	0	B!H13192
RCEP B	2027	2027	0	B!I13192
RCEP C	2022	2022	0	C!D13192
RCEP C	2023	2023	0	C!E13192
RCEP C	2024	2024	0	C!F13192
RCEP C	2025	2025	0	C!G13192
RCEP C	2026	2026	0	C!H13192

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13192
RCEP D	2022	2022	0	D!D13191
RCEP D	2023	2023	0	D!E13191
RCEP D	2024	2024	0	D!F13191
RCEP D	2025	2025	0	D!G13191
RCEP D	2026	2026	0	D!H13191
RCEP D	2027	2027	0	D!I13191
RCEP E	2022	2022	0	E!D13195
RCEP E	2023	2023	0	E!E13195
RCEP E	2024	2024	0	E!F13195
RCEP E	2025	2025	0	E!G13195
RCEP E	2026	2026	0	E!H13195
RCEP E	2027	2027	0	E!I13195
RCEP F	2022	2022	0	F!D13192
RCEP F	2023	2023	0	F!E13192
RCEP F	2024	2024	0	F!F13192
RCEP F	2025	2025	0	F!G13192
RCEP F	2026	2026	0	F!H13192
RCEP F	2027	2027	0	F!I13192
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12238
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12238
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12238
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12238

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng hóa nhập khẩu theo mã số HS trong lĩnh vực in (11/2024/TT-BTTTT)		11/2024/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8440.10 có 2 dòng thuế; dòng 8440.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8440.10.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8440.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8440.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13860), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa nhập khẩu theo mã số HS trong lĩnh vực in (11/2024/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.